

**CÔNG TY CỔ PHẦN QENGY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QENGY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VN QENGY., JSC

Tên công ty viết tắt: VIET NAM QENGY JOINT STOCK COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109178954

**3. Ngày thành lập:** 12/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18, Ngách 41, Ngõ 272, Đường Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963291963

Fax: quangnt110@gmail.com

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                           | 0118        |
| 2.  | Trồng cây ăn quả                                                               | 0121        |
| 3.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                  | 0141        |
| 4.  | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                         | 0144        |
| 5.  | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                            | 0145        |
| 6.  | Chăn nuôi gia cầm                                                              | 0146        |
| 7.  | Chăn nuôi khác                                                                 | 0149        |
| 8.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                  | 0150        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                   | 0161        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                    | 0162        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                | 0163        |
| 12. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                | 0810        |
| 13. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710        |
| 14. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                      | 2750        |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                     | 3312        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện                                                         | 3314(Chính) |
| 17. | Sửa chữa thiết bị khác                                                         | 3319        |
| 18. | Sản xuất điện                                                                  | 3511        |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                              | 4101        |
| 20. | Xây dựng nhà không để ở                                                        | 4102        |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                   | 4212        |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                       | 4221        |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                            | 4222        |

|     |                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                          | 4223 |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                           | 4229 |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                    | 4291 |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                             | 4292 |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                       | 4293 |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                  | 4299 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                      | 4311 |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                           | 4312 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                       | 4321 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                       | 4322 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                              | 4329 |
| 35. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                              | 4330 |
| 36. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                         | 4390 |
| 37. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới<br>(loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                   | 4610 |
| 38. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                | 4661 |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                             | 4659 |
| 40. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                           | 4690 |
| 41. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, kiểm toán); | 6619 |
| 42. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                              | 7010 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn quản lý dự án xây dựng (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký)</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí hạng 2</li> <li>- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng</li> <li>- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp (lĩnh vực: xây dựng và hoàn thiện)</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình</li> <li>- Thiết kế các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật</li> <li>- Thiết kế tổng mặt bằng kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp</li> <li>- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp và điều khiển tín hiệu giao thông</li> </ul> </li> <li>- Thiết kế công trình đường bộ</li> <li>- Thiết kế công trình cầu, đường, hạ tầng kỹ thuật</li> <li>- Thiết kế công trình cầu, đường bộ</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp</li> <li>- Khảo sát trắc địa công trình</li> <li>- Khảo sát địa chất công trình</li> <li>- Khảo sát thủy văn công trình</li> <li>- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước - môi trường nước công trình dân dụng</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật</li> </ul> | 7110 |
| 44. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7730 |
| 45. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa theo quy định pháp luật</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 12/05/2020 đến ngày 11/06/2020

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 60.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HOÀNG TÙNG | Căn hộ 23.04 Tháp A tòa nhà Sông Hồng Parkview Số 165 Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 11.400     | 1.140.000.000         | 19,000    | 013444165                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Tổng số                   | 11.400     | 1.140.000.000         | 19,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ MINH THIÊN     | Căn hộ 14.03 Tháp A tòa nhà Sông Hồng Parkview Số 165 Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 11.400     | 1.140.000.000         | 19,000    | 013055580                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         | Tổng số                   | 11.400     | 1.140.000.000         | 19,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                                           |                           |        |               |        |           |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|---------------|--------|-----------|
| 3 | LÊ THỊ THÚY    | Số 29, ngách 155/164, đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 11.400 | 1.140.000.000 | 19,000 | 013691854 |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Tổng số                   | 11.400 | 1.140.000.000 | 19,000 |           |
| 4 | PHAN ĐÌNH THÁI | Số P308, OCT2, ĐN2, Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 11.400 | 1.140.000.000 | 19,000 | 013188725 |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Tổng số                   | 11.400 | 1.140.000.000 | 19,000 |           |
| 5 | ĐỖ ĐÌNH TÚ     | Xóm 11, thôn Đại Đồng, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông         | 3.000  | 300.000.000   | 5,000  | 151363513 |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                           | Tổng số                   | 3.000  | 300.000.000   | 5,000  |           |

|   |                  |                                                                                          |                           |        |               |        |                  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|---------------|--------|------------------|
| 6 | NGHIÊM QUANG HUY | 1010, ĐN3 OCT2, Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 11.400 | 1.140.000.000 | 19,000 | 0340990000<br>41 |
|   |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                          | Tổng số                   | 11.400 | 1.140.000.000 | 19,000 |                  |
|   |                  |                                                                                          |                           |        |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGHIÊM QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/11/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034099000041

Ngày cấp: 18/06/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1010, ĐN3 OCT2, Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1505 lô D1-CT2 ĐTM Tây Nam – Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội